

**PHÂN TÍCH DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG  
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2022**

**Nguyễn Minh Tuấn<sup>1\*</sup>, Lê Trần Phương Thảo<sup>2</sup>, Hà Văn Thạnh<sup>2</sup>**

1. Trường Đại học Đông Đô

2. Trường Đại học Duy Tân

\*Email: nguyenmtuan63@gmail.com

Ngày nhận bài: 22/5/2024

Ngày phản biện: 28/7/2024

Ngày duyệt đăng: 10/8/2024

## TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Danh mục thuốc tại bệnh viện có vai trò quan trọng, để đáp ứng hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện. Có một đánh giá đúng mức về danh mục thuốc đã sử dụng sẽ là một giải pháp hữu ích giúp cho bệnh viện thực hiện tốt các giải pháp cung ứng thuốc trong những năm tiếp theo. **Mục tiêu nghiên cứu:** Phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam năm 2022 theo nhóm điều trị và phân loại ABC/VEN. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Hồi cứu cơ cấu danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam từ ngày 01/01/2022 - 31/12/2022. **Kết quả:** Danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam năm 2022 gồm 558 khoản mục, trong đó: Thuốc hóa được chiếm 99,3% giá trị; trong nước 60% giá trị; thuốc đơn thành phần 82,6% giá trị; thuốc generic 97,2% giá trị; thuốc diệt ký sinh trùng, nấm, vi rút chiếm 26% giá trị, trong đó chủ yếu là kháng sinh nhóm β-lactam (71,77% giá trị); thuốc đường uống chiếm 77,24% giá trị; thuốc hạng A chiếm 79,1% giá trị; nhóm E chiếm 61,9% giá trị. **Kết luận:** Danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam năm 2022 đáp ứng được mô hình bệnh tật của Bệnh viện. Bệnh viện cần tăng tỷ trọng giá trị biệt dược gốc và thuốc cổ truyền, thuốc được liệu trong danh mục thuốc bệnh viện những năm tiếp theo.

**Từ khoá:** Bệnh viện đa khoa Quảng Nam, danh mục thuốc bệnh viện, thuốc hoá dược, thuốc cổ truyền.

## ABSTRACT

### ANALYSIS OF DRUGS LIST USED AT GENERAL HOSPITAL QUANG NAM PROVINCE IN 2022

**Nguyễn Minh Tuấn<sup>1\*</sup>, Lê Trần Phương Thảo<sup>2</sup>, Hà Văn Thạnh<sup>2</sup>**

1. Dong Do University

2. Duy Tân University

**Background:** The drug list at the hospital plays an important role to meet the hospital's medical examination and treatment activities. Having a proper assessment of the list of used drugs will be a useful solution to help the hospital implement drug supply solutions well in the coming years.

**Objective:** To analyze the structure of the list of drugs used at Quang Nam General Hospital in 2022.

**Materials and methods:** Retrospective study on the structure of the list of drugs used at Quang Nam General Hospital from January 1st. 2022 to December 31, 2022. **Results:** List of drugs used at Quang Nam General Hospital in 2022 met medical examination and treatment needs according to the disease model of the Hospital Pharmaceutical chemicals account for 99.3% of the value; Domestic accounts for 60% of value; Single-ingredient drugs account for 82.6% of the value; Generic drugs account for 97.2% of value; Antiparasitics, fungicides, and viruses account for 26% of the value, of which mainly are β-lactam antibiotics (71.77% of the value); Oral drugs account for 77.24% in value; Class A drugs account for 79.1% of the value; Group E accounts for 61.9% of the value. **Conclusion:** The list of

drugs used at Quang Nam General Hospital in 2022 meets the hospital's disease model. Quang Nam General Hospital need to increase the proportion of Brand name Drug value and traditional drugs and herbal drugs in the hospital drug list in the coming years.

**Keywords:** Quang Nam General Hospital, list of hospital drugs, pharmaceutical drugs, traditional medicine.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo một số nghiên cứu, chi phí mua thuốc thường chiếm khoảng 30 - 40% toàn bộ kinh phí của một bệnh viện, nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh theo mô hình bệnh tật (MHBT) của mỗi bệnh viện và khả năng chi trả của Bảo hiểm y tế (BHYT) [1]. Có một đánh giá đúng mức về danh mục thuốc đã sử dụng sẽ là một kết quả hữu ích, giúp cho bệnh viện thực hiện tốt các giải pháp cung ứng thuốc trong những năm tiếp theo, tránh hiện tượng mất cân đối giữa mua sắm và sử dụng, gây lãng phí kinh phí.

Bệnh viện đa khoa (BVĐK) Quảng Nam là bệnh viện hạng I, biên chế 1.000 giường bệnh. Hàng năm, Bệnh viện phải đảm bảo cung ứng thuốc phục vụ hoạt động khám chữa bệnh cho hàng trăm nghìn lượt bệnh nhân, với MHBT có các nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao theo phân loại ICD - 10 như: Nhiễm khuẩn và ký sinh vật (17,55%) tiếp đó là bệnh của hệ tiêu hóa (16,98%) và Bệnh nội tiết, dinh dưỡng chuyển hoá (10,28%) [2]. Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: Phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Nam năm 2022 với các chỉ tiêu chung và phân loại ABC, VEN.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa (BVĐK) tỉnh Quảng Nam năm 2022, dựa trên danh mục thuốc trùng thầu và mua sắm từ nguồn kinh phí bảo hiểm y tế (BHYT) năm 2022.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, hồi cứu các số liệu liên quan đến danh mục thuốc đã sử dụng thuốc tại BVĐK tỉnh Quảng Nam từ 01/01/2022-31/12/2022.

#### - Nội dung nghiên cứu:

+ Phân tích danh mục thuốc phân loại theo nhóm thuốc hóa dược, thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu; theo nhóm điều trị, nguồn gốc xuất xứ, thành phần, đường dùng, thuốc generic, biệt dược gốc (BDG).

+ Phân tích danh mục thuốc theo phân loại ABC, VEN.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Thu thập các thông tin từ danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện năm 2022, bao gồm: thuốc hóa dược, thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu, nhóm điều trị, đường dùng, nguồn gốc xuất xứ, thành phần về số lượng và giá trị của mỗi nhóm thuốc.

- **Xử lý số liệu:** Các số liệu thu thập được làm sạch và xử lý bằng phần mềm Microsoft exel 2016.

### **III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **3.1. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân loại thuốc hóa dược, thuốc cổ truyền**

Bảng 1. Cơ cấu thuốc theo phân loại thuốc hóa dược, thuốc cổ truyền

STT	Nhóm thuốc	Khoản mục		Giá trị	
		Số khoản	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (triệu đồng (tr.đ))	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc hóa dược	462	82,8	70.455,8	99,3
2	Thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu	96	17,2	528,6	0,7
	Tổng cộng	558	100	70.984,4	100

Nhận xét: Các thuốc hóa dược chiếm tỷ trọng tuyệt đối trong danh mục: (462 thuốc; 82,8%), giá trị (64.209,6 tr.đ; 99,3%); thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu chỉ chiếm giá trị 528,6 tr.đ (0,7%).

Bảng 2. Cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện theo nhóm tác dụng điều trị

S T T	Nhóm thuốc	Số lượng		Giá trị	
		Số khoản	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
	I. THUỐC HÓA DUỢC	462	82,4	70.455,8	99,3
1	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn, kháng nấm	93	16,6	18.485,6	26,00
2	Thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch	44	7,8	4.348,8	6,10
3	Thuốc tim mạch	44	7,8	3.494,8	4,90
4	Thuốc đường tiêu hóa	40	7,1	3.433,8	4,80
5	Hormon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	32	5,7	2.021,4	2,80
6	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid-base và các dung dịch tiêm truyền khác	28	5,0	7.001,8	9,90
7	Thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ	24	4,3	2.416,2	3,40
8	Thuốc điều trị bệnh mắt, tai mũi họng	20	3,6	1.062,2	1,50
9	Thuốc tác dụng đối với máu	19	3,4	15.997,8	22,50
10	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid; thuốc điều trị gút và các bệnh xương khớp	17	3,0	1.446,6	2,00
11	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	17	3,0	728,5	1,00
12	Thuốc chống rối loạn tâm thần và thuốc tác động lên hệ thần kinh	13	2,3	756,3	1,10
13	Thuốc giải độc và các thuốc dùng trong trường hợp ngộ độc	12	2,1	2.249,6	3,20
14	Khoáng chất và vitamin	12	2,1	374,7	0,50
15	Thuốc điều trị bệnh da liễu	8	1,4	284,1	0,40
16	Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non	8	1,4	568,9	0,80
17	Thuốc chống dị ứng và dùng trong các trường hợp quá mẫn	6	1,1	171,0	0,20
18	Thuốc chống co giật, chống động kinh	4	0,7	52,8	0,10
19	Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn	4	0,7	489,3	0,70
20	Thuốc điều trị bệnh đường tiết niệu	3	0,5	567,1	0,80
21	Thuốc dùng chẩn đoán	3	0,5	2.420,1	3,40

**TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 78/2024**

S T T	Nhóm thuốc	Số lượng		Giá trị	
		Số khoản	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
22	Huyết thanh và globulin miễn dịch	3	0,5	714,0	1,00
23	Thuốc làm mềm cơ và ức chế cholinesterase	3	0,5	98,7	0,10
24	Thuốc điều trị đau nửa đầu	2	0,4	6,6	0,01
25	Thuốc chống parkinson	1	0,2	197,1	0,30
26	Thuốc lợi tiểu	1	0,2	114,3	0,20
27	Dung dịch lọc màng bụng, lọc máu	1	0,2	953,4	1,30
<b>II. THUỐC CỔ TRUYỀN, VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN</b>		<b>96</b>	<b>17,1</b>	<b>528,6</b>	<b>0,70</b>
1	Nhóm thuốc khu phong trừ thấp	14	2,5	124,8	0,17
2	Nhóm thanh nhiệt giải độc	13	2,3	119,2	0,15
3	Nhóm thuốc chữa các bệnh về dương, về khí	12	2,1	41,5	0,01
4	Nhóm thuốc an thần, định chí, dưỡng tâm	11	2,0	98,5	0,01
5	Nhóm thuốc chữa các bệnh về âm, về huyết	11	2,0	43,2	0,01
6	Nhóm thuốc hoạt huyết, khứ ú	8	1,4	43,3	0,05
7	Nhóm thuốc thu liêm, cô sáp	4	0,7	6,0	0,01
8	Nhóm thuốc lý khí	3	0,5	1,5	0,01
9	Nhóm phát tán phong hàn	4	0,7	10,2	0,01
10	Thanh nhiệt lương huyết	4	0,7	7,5	0,01
11	Nhóm thuốc nhuận tràng, tẩy hạch, tiêu thực, bình vị, kiện tỳ	2	0,4	12,7	0,01
12	Nhóm thuốc chữa bệnh về ngũ quan	2	0,4	3,7	0,01
13	Nhóm thuốc chỉ ho bình suyễn, hóa đàm	2	0,4	6,7	0,01
14	Nhóm thuốc trừ thấp lợi thủy	2	0,4	6,1	0,01
15	Nhóm phát tán phong nhiệt	2	0,4	1,8	0,01
16	Phát tán phong thấp	2	0,4	1,1	0,01
Tổng cộng		558	100	70.984,3	100

Nhận xét: Về các nhóm thuốc hóa dược: nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn cao nhất về khoản mục (68 thuốc; 16,35%) và giá trị (17.154,7 tr.đ; 26,72%); thuốc điều trị đau nửa đầu có giá trị thấp nhất (6,6 tr.đ; 0,01%). Về nhóm thuốc cổ truyền: thuốc chữa các bệnh về dương, về khí có giá trị cao nhất (126,4 tr.đ; 0,17%); thuốc thanh nhiệt giải độc (119,2 tr.đ; 0,15%); các thuốc còn lại có giá trị từ 0,01 - 0,05%.

Bảng 3. Cơ cấu nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn, kháng nấm

STT	Nhóm thuốc	Số khoản	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc nhóm β - lactam	25	36,76	12.311,80	71,77
2	Thuốc nhóm quinolon	10	14,70	2.024,70	17,63
3	Thuốc điều trị lao kháng thuốc	5	7,35	522,70	3,05
4	Thuốc nhóm lincosamid	1	1,47	392,90	2,29
5	Thuốc nhóm nitroimidazol	4	5,88	285,600	1,67
6	Thuốc nhóm aminoglycosid	5	7,35	261,5	1,52
7	Thuốc chống vi rút	2	2,94	173,60	1,01
8	Thuốc chống nấm	7	10,29	128,40	0,75
9	Thuốc nhóm macrolid	4	5,88	23,00	0,14
10	Thuốc nhóm sulfamid	2	2,94	19,70	0,12

**HỘI NGHỊ KHOA HỌC KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT**

## TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 78/2024

STT	Nhóm thuốc	Số khoản	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
11	Thuốc trị giun, sán	1	1,47	6,20	0,04
12	Thuốc nhóm tetracyclin	2	2,94	3,60	0,02
	Tổng cộng	68	100	17.154,80	100

Nhận xét: Nhóm β - lactam chiếm tỷ trọng 71,77% giá trị (12.311,8 tr.đ); nhóm quinolon chiếm 17,63% giá trị (2.024,7 tr.đ); thấp nhất là nhóm tetracyclin chiếm 0,02% (3,6 tr.đ).

### 3.2. Cơ cấu danh mục thuốc được sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ

Bảng 4. Cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện theo nguồn gốc xuất xứ

STT	Nguồn gốc xuất xứ	Số khoản	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	386	69,2	42.623,4	60,0
2	Nhập khẩu	172	30,8	28.360,9	40,0
	Tổng cộng	558	100	70.984,3	100

Nhận xét: Thuốc nội chiếm tỷ trọng 51% (32.914,9 tr.đ); thuốc ngoại chỉ chiếm 49% giá trị (31.966,2 trđ) trong tổng chi phí thuốc của Bệnh viện.

### 3.3. Cơ cấu danh mục thuốc được sử dụng theo thành phần

Bảng 5. Cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện theo thành phần

STT	Thành phần	Số khoản	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
1	Đơn thành phần	455	81,5	58.613,7	82,6
2	Đa thành phần	103	18,5	12.370,6	17,4
	Tổng cộng	558	100	70.984,4	100

Nhận xét: Thuốc đơn thành phần chiếm 82,6% giá trị (58.613,7tr.đ). Thuốc đa thành phần chiếm 17,4% giá trị (12.370,6 tr.đ).

### 3.4. Cơ cấu danh mục thuốc được sử dụng theo đường dùng

Bảng 6. Cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện theo đường dùng

STT	Đường dùng	Số khoản	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (trđ)	Tỷ lệ (%)
1	Đường uống	230	41,2	56.216,2	79,2
2	Đường tiêm, tiêm truyền	271	48,6	9.858,0	13,9
3	Đường dùng khác	57	10,2	4.910,1	6,9
	Tổng cộng	558	100	70.984,3	100

Nhận xét: Thuốc đường uống chiếm 79,2% giá trị (56.216,2 tr.đ); đường tiêm, tiêm truyền chiếm 13,9% giá trị (9.858,0 tr.đ); đường khác chiếm 6,9% giá trị (4.910,1tr.đ).

### 3.5. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng phân loại theo BDG, thuốc generic

Bảng 7. Cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện phân loại theo BDG, thuốc generic

STT	Phân loại	Số lượng		Giá trị	
		Số khoản	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc generic	522	93,5	69.018,1	97,2
2	BDG	36	6,5	1.966,3	2,8
	Tổng cộng	558	100	70.984,3	100

Nhận xét: Thuốc generic chiếm giá trị 97,2% (69.018,1 tr.đ); BDG chiếm giá trị 2,8% (1.966,3 tr.đ).

### **3.6. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng phân loại theo ABC, VEN**

#### **Theo phân loại ABC**

Bảng 8. Cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện theo phân loại ABC

STT	Phân loại	Khoản mục		Giá trị	
		SL	(%)	Thành tiền (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
1	Hạng A	84	15,1	56.177,5	79,1
2	Hạng B	107	19,2	10.752,3	15,2
3	Hạng C	367	65,7	4.054,5	5,7
Tổng cộng		558	100	70.984,3	100

Nhận xét: Thuốc hạng A chiếm 79,1% giá trị (56.177,5 tr.đ); hạng B 15,2% giá trị (10.752,3 tr.đ); hạng C 5,7% giá trị (4.054,5 tr.đ) trong tổng kinh phí thuốc của Bệnh viện.

#### **Theo phân loại VEN**

Bảng 9. Cơ cấu thuốc sử dụng tại Bệnh viện theo phân loại VEN

STT	Nhóm	Khoản mục		Giá trị	
		SKM	(%)	Thành tiền (tr.đ)	Tỷ lệ (%)
1	V	116	20,8	21.011,3	29,6
2	E	353	63,3	43.939,3	61,9
3	N	89	15,9	6.033,7	8,5
Tổng cộng		558	100	70.984,3	100

Nhận xét: Thuốc nhóm E 61,9% giá trị (43.939,3 tr.đ); nhóm V 29,6% giá trị (21.011,3 tr.đ); nhóm N 8,5% giá trị (6.033,7 tr.đ) trong tổng kinh phí thuốc của Bệnh viện.

## **IV. BÀN LUẬN**

### **4.1. Về cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân loại thuốc hóa dược, thuốc cổ truyền**

Các nhóm thuốc trong danh mục đều phù hợp với quy định hiện hành của BYT (bảng 1, bảng 2) [3], [4] và WHO [5]. Nhóm thuốc hóa dược chiếm giá trị rất cao (99,3%), tỷ trọng kinh phí của nhóm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thấp hơn năm 2021 [6] và BVĐK tỉnh Nam Định (2020) (4,6%) [7], BVĐK tỉnh Quảng Ninh (2021) (5,4%) [8]. Trong giai đoạn 2020 - 2022 việc mua sắm các vị thuốc cổ truyền và dược liệu gấp nhiều khăn do nguồn cung hạn chế vì gặp phải dịch bệnh Co vid - 19, Khoa YHCT của Bệnh viện cần nâng cao tỷ trọng trong kê đơn các thuốc hóa dược và thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu, nâng cao công suất sắc thuốc để đáp ứng cho bệnh nhân ngoại trú khám chữa bằng YHCT.

Nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn tại Bệnh viện tiếp tục chiếm tỷ trọng tương đương năm 2021 (26,44%) [6] và cao hơn BVĐK tỉnh Nam Định (2020) [7], BVĐK tỉnh Quảng Ninh (2021) lần lượt là 23,6% và 26,72% [8]. Do đặc điểm về MHBT, nhu cầu thuốc điều trị bệnh nhiễm khuẩn tại các bệnh viện vẫn còn cao, Bệnh viện cần tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh buồng bệnh, tăng tỷ trọng kháng sinh dự phòng, phát hiện hiện tượng lạm dụng kháng sinh, làm kháng sinh đồ để hạn chế sử dụng kháng sinh điều trị bao vây [1]; 2 phân nhóm penicilin và cefalosporin đều là kháng sinh phổ rộng thuộc nhóm β-lactam có tỷ trọng cao (71,77%), có tác dụng với đa số vi khuẩn gây các bệnh nhiễm trùng phổ biến ở các bệnh viện.

#### 4.2. Về cơ cấu danh mục thuốc được sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ

Tỷ trọng giá trị thuốc nội sử dụng tại BVĐK tỉnh Quảng Nam năm 2022 (bảng 4) cao hơn năm 2021 (trên 51%) [6] và cao hơn BVĐK tỉnh Nam Định (2020) (32,64%) [7] và BVĐK tỉnh Quảng Ninh (2021) (66,25%) [8]. Bệnh viện cần duy trì tỷ trọng giá trị thuốc nội, tuy nhiên cần lựa chọn các thuốc của các nhà sản xuất có uy tín trong nước đạt tiêu chuẩn EU -GMP, J-GMP, PIC/s để đảm bảo hiệu quả điều trị.

#### 4.3. Về cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo thành phần

Trong năm 2022, thuốc đơn thành phần DMT được sử dụng tại Bệnh viện (bảng 5) tương đương năm 2021 (84,78%) [6] và BVĐK tỉnh Nam Định (2020) (80,6%) [7]. BVĐK tỉnh Quảng Nam đã thực hiện tốt quy định về việc ưu tiên sử dụng thuốc đơn thành phần trong điều trị cho bệnh nhân theo Thông tư 30/2018/TT-BYT [3] và Thông tư 01/2020/TT-BYT [4]. Bệnh viện cần duy trì tỷ trọng thuốc đơn thành phần trong cung ứng và sử dụng.

#### 4.4. Về cơ cấu danh mục thuốc được sử dụng theo đường dùng

Tỷ trọng thuốc tiêm, tiêm truyền năm 2022 của Bệnh viện tăng về khoản mục, nhưng thấp về giá trị (bảng 6) so với năm 2021 (34,13% khoản mục; 77,24% giá trị) [6]. Do đó, giá trị thuốc đường uống tăng lên 79,2%, tương đương BVĐK tỉnh Nam Định (2020) là 79,3% [7]. Việc tăng tỷ trọng thuốc đường uống nhằm giúp cho việc sử dụng thuận lợi đối với người bệnh, thích hợp trong điều trị các bệnh phổi biến trong MHBT của Bệnh viện. Bệnh viện cần duy trì ổn định cơ cấu thuốc theo đường dùng trong những năm tiếp theo.

#### 4.5. Về cơ cấu danh mục thuốc sử dụng phân loại theo BDG, thuốc generic

BVĐK tỉnh Quảng Nam đã ưu tiên sử dụng thuốc generic với giá trị cao hơn BVĐK tỉnh Nam Định (2020) (79,9%) [7] và Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới (2021) (86,38%) [9].

Tuy nhiên, giá trị BDG năm 2022 của Bệnh viện thấp so với quy định của BYT [10] và so với năm 2021 (13,08%) [6]. Bệnh viện cần nâng cao tỷ trọng kinh phí sử dụng BDG, để đảm bảo yêu cầu điều trị các bệnh chuyên khoa, các dịch vụ kỹ thuật tiên tiến, bệnh hiểm.

#### 4.6. Về cơ cấu danh mục thuốc sử dụng phân loại theo ABC, VEN

Kết quả phân tích ABC/VEN tại Bệnh viện đã cho thấy cơ cấu thuốc hạng A, B, C và nhóm V, E, N là tương đối hợp lý so với MHBT của Bệnh viện, nhưng cần phân tích sâu hơn để tiếp tục điều chỉnh cơ cấu mua sắm và nhu cầu sử dụng cho các năm tiếp theo [1].

### V. KẾT LUẬN

Danh mục thuốc sử dụng tại BVĐK Quảng Nam năm 2022 đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh theo MHBT của Bệnh viện. Bệnh viện cần tăng tỷ trọng giá trị BDG, thuốc cổ truyền và thuốc được liệt kê trong danh mục những năm tiếp theo.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học viện Quân y, Công tác dược bệnh viện, Giáo trình đào tạo DSĐH, Nxb QĐND. 2018.
2. Bệnh viện đa khoa Quảng Nam, Báo cáo tổng kết Bệnh viện năm 2022 và kế hoạch năm 2023, ngày 12/01/2023. 2022.
3. Bộ Y tế, Thông tư số 30/2018/TT-BYT ngày 30/10/2018, Ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa được, sinh phẩm thuốc phỏng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế. 2018.

## TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 78/2024

- 
4. Bộ Y tế, Thông tư số 01/2020/TT-BYT ngày 16/01/2020 của Bộ trưởng BYT Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 30/2018/TT-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng BYT về ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hoá dược, sinh phẩm, thuốc phòng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế. 2020.
  5. WHO, *Model List of Essential Medicines - 22nd List*, 30 September 2021. 2021.
  6. Trần Thị Thuận và cộng sự, Phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam năm 2021, *Tạp chí Y Dược làm sàng 108*. Bệnh viện Trung ương Quân đội 108. 2023. 399 – 406, <https://doi.org/10.52389/ydl.v18idbv.2002>.
  7. Vũ Ngọc Ánh, Phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định năm 2020, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Dược Hà Nội. 2022.
  8. Nguyễn Tuấn Quang và cộng sự, Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh năm 2021, *Tạp chí Y dược học quân sự*, Học viện Quân y, số 9-2022, 2022. 13 - 25, <https://doi.org/10.56535/jmpm.v47i9.206>.
  9. Cục quản lý dược, Bộ Y tế, Công văn số 3794/BHXH-DVT. Thông nhất tỷ lệ sử dụng biệt dược gốc tại các tuyến điều trị theo chỉ đạo của Chính phủ. 2017.
  10. Nguyễn Thị Hiền, Phân tích hoạt động cung ứng thuốc tại Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới năm 2021, Luận văn thạc sĩ dược học, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng. 2022.
-